

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 209/2019/DS-PT
Ngày: 21 - 8 - 2019
V/v tranh chấp
quyền sử dụng đất, hủy giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Trần Tấn Quốc

Bà Trịnh Thị Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chung.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2019/TLPT-DS ngày 20 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 240/2019/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đồng Thị Minh P, sinh năm 1943;

Địa chỉ: Số 6, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1970;

Địa chỉ: 6/3, Khu phố 5, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền ngày 14/11/2017).

- Bị đơn: Bà Lê Thị S, sinh năm 1946;

Địa chỉ: Số 10/9, đường L, phường 3, quận X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Phương Trang Hùng C, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An. (Giấy ủy quyền ngày 06/6/2019).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Phương Trang Hùng C, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An. (Giấy ủy quyền ngày 06/6/2019).

2. Bà Huỳnh Thị Thanh P1, sinh năm 1962;

3. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1944;

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Thị Thanh P1 và ông Nguyễn Văn T1: Ông Lê Phương Trang Hùng C, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An. (Giấy ủy quyền ngày 06/6/2019).

4. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1934;

5. Bà Ngô Thị N, sinh năm 1947;

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An.

Địa chỉ: 137, quốc lộ 1, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Đồng Thị Minh P.

(Ông C, ông Đ có mặt; ông H, bà N và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 8 năm 2017 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Đồng Thị Minh P do ông Đỗ Văn H trình bày:

Bà Đồng Thị Minh P yêu cầu bà Lê Thị S trả lại thửa đất số 194, tờ bản đồ số 02, loại đất thổ, diện tích đo đạc thực tế là 255m², tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An, do ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị S cùng đứng tên chủ sử dụng. Yêu cầu hủy hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T và bà S đối với thửa đất trên, cụ thể là giấy chứng nhận số CH 641625 và CH 641626, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 07078, 08078, do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp vào ngày 13/3/2017.

Nguồn gốc đất là của ông Trần Văn T2 - là cha chồng bà Đồng Thị Minh P sử dụng từ trước năm 1975, sau đó ông T2 nhờ ông Trần Văn T3 - là bà con của ông T2 quản lý, sử dụng đất giùm, lúc bấy giờ là đất trồng lúa, nhưng ông T3 có lên 02 giồng để trồng hoa màu. Sau năm 1975, ông T2 chết thì ông T3 giao trả phần đất này lại cho vợ chồng bà P quản lý sử dụng được 02 năm, từ năm 1976 đến năm 1978, thì ông T3 tiếp tục lấy đất lại để canh tác. Đến năm 1982, đất được đưa vào tập đoàn sản xuất, tập đoàn giao phần đất này cho vợ chồng bà P - ông T4 canh tác, đến năm 1997 thì ông T4 chết. Riêng 02 cái giồng thì ông T3 không giao trả và tập đoàn cũng không có lấy lại. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng đất thì ông T3 bồi

đắp thêm 02 cái giồng nữa. Về giấy tờ thì vào năm 1997 Nhà nước có chủ trương cho đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, bà P kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất lúa với thửa số 630, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.611m², tại xã L, huyện C. Việc cấp giấy không có đo đạc thực tế, nhưng bà P cứ nghĩ là trong diện tích trên có luôn 04 cái giồng vì 04 cái giồng cũng là đất của cha chồng bà P để lại. Quá trình ông T3 sử dụng đất thì bà P không biết như thế nào mà vào khoảng năm 2000 thì lại thấy ông Đ là người sử dụng, chứ ông T3 không còn sử dụng nữa. Thấy vậy, bà P yêu cầu ông Đ và ông T3 trả đất nhưng các ông không đồng ý. Ông T3 thì nói là ông Đ đổi đất, còn ông Đ thì nói là ông T3 trả đất. Bà P cũng có làm đơn khiếu nại định gửi ra xã nhưng chưa gửi, bà P nghĩ bà cũng đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, vào năm 2017, bà P thấy bà S đổ vật tư xây dựng nhà thì mới biết ông Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất thuộc thửa 194 và chuyển nhượng cho bà S, ông T. Do đó, bà P làm đơn khởi kiện yêu cầu bà S trả đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà S, ông T.

Bị đơn bà Lê Thị S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Văn T1 do bà Huỳnh Thị Thanh P1 đại diện và ông Nguyễn Văn T trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Văn T, còn bà Lê Thị S là chị họ của chồng bà. Vào cuối năm 2016, vợ chồng bà và vợ chồng bà S cùng mua thửa đất số 194, tờ bản đồ số 02, loại đất thổ, diện tích đo đạc thực tế là 255m², tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An, do ông Trần Văn Đ đứng tên chủ sử dụng. Khi nhận chuyển nhượng thì toàn bộ thửa đất là đất trống, có một số giồng trồng hoa màu trên đất, không có ai tranh chấp gì. Trước khi nhận chuyển nhượng thì ông Đ cấm cọc rõ ràng, gia đình bà đổ vật tư xây dựng nhà thì bà P tranh chấp cho đến nay. Hiện công trình chỉ xây được nửa phần móng thì bị ngừng thi công do tranh chấp. Nay, bà đại diện cho vợ chồng bà S, ông T cũng như bản thân bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà P do ông H làm đại diện. Bởi vì, gia đình bà và gia đình bà S nhận chuyển nhượng đất hợp pháp từ ông Đ, còn ông Đ được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Văn Đ trình bày: Trong chiến tranh, đất bỏ hoang rất nhiều nên ông Trần Văn T3 là người trong thân tộc của ông khai hoang 04 cái giồng để trồng hoa màu cũng như sử dụng luôn phần đất lúa của bà P. Đến năm 1976, ông T3 cho lại ông sử dụng phần đất có 04 cái giồng để trồng hoa màu, từ trước đến nay không ai tranh chấp. Còn phần đất lúa thì năm 1982 tập đoàn chia cho bà P, ông cũng không có ý kiến gì. Do có quá trình sử dụng dụng ổn định, liên tục, lâu dài đối với phần đất giồng trồng hoa màu nên ngày 15/9/2008 ông được Ủy ban nhân dân huyện C xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 384224, sổ vào sổ cấp Giấy CNQSDĐ H 01879, với diện tích 282m², loại đất trồng cây hàng năm khác. Theo chủ trương cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 09/12/2015, ông tiếp tục được Ủy ban nhân dân huyện C cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên với số thửa mới 194, tờ bản đồ số 02, diện tích 267m², đây là diện tích thực tế sau khi mở đường nông thôn. Sau đó, ông chuyển mục đích sử dụng đất thành loại đất ở tại nông thôn. Tháng 03/2017, ông chuyển

nhượng thửa đất trên lại cho ông T và bà S thì bà P tranh chấp cho đến nay. Ông thấy rằng yêu cầu bà P là không có căn cứ, đề nghị bác toàn bộ yêu cầu của bà Minh P.

- *Sở Tài nguyên và Môi trường*: Xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án. Tại văn bản số 2775/STNMT - VPĐKĐĐ ngày 28/8/2018 về việc ý kiến và ủy quyền tham gia tố tụng, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Cần Giuộc đã thụ lý, giải quyết hồ sơ và trình Sở Tài nguyên và Môi trường ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CH 641625, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CS 08078 ngày 13/3/2017 cho bà Lê Thị S và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CH 641626, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CS 07078 ngày 13/3/2017 cho ông Nguyễn Văn T (đồng sử dụng), đối với thửa đất số 194, tờ bản đồ số 02, diện tích 267m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai. Vì vậy, việc người khởi kiện yêu cầu hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số nêu trên cho bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn T là không có cơ sở.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 158 Bộ luật dân sự 2015, Luật đất đai năm 2013. Căn cứ vào Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đồng Thị Minh P về việc yêu cầu bà Lê Thị S trả lại thửa đất số 194, tờ bản đồ số 02, loại đất thổ, diện tích đo đạc thực tế là 255m², tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An, do ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị S cùng đứng tên chủ sử dụng và yêu cầu hủy hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T và bà S đối với thửa đất trên, cụ thể là giấy chứng nhận số CH 641625 và CH 641626, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 07078, 08078, do sở Tài nguyên và Môi trường cấp vào ngày 13/3/2017.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Ngày 28/01/2019, nguyên đơn bà Đồng Thị Minh P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, và không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau để giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Bà Đồng Thị Minh P khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị S trả lại thửa đất số 194, tờ bản đồ số 02, loại đất thổ, diện tích đo đạc thực tế là 255m², tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T và bà S. Thửa đất số 194, ông Đ đã đăng ký kê khai vào năm 2008, có bà P ký giáp ranh, hai bên cũng thống nhất trước đây do ông T3 sử dụng. Ông T3 đã sử dụng từ năm 1969 và cho lại ông Đ sử dụng ổn định từ năm 1976 đến nay và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008 và năm 2015 và sau đó chuyển nhượng lại cho ông T, bà S là hợp pháp. Bên bà P cho rằng thửa đất số 194 là của ông T2 nhưng không có chứng cứ gì chứng minh. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Đồng Thị Minh P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, xét thấy:

[1] Về tố tụng

Nguyên đơn bà Đồng Thị Minh P do ông Đỗ Văn H đại diện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị N và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Bà Đồng Thị Minh P khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị S trả lại thửa đất số 194, tờ bản đồ số 02, loại đất thổ, diện tích đo đạc thực tế là 255m², tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An, do bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn T cùng đứng tên chủ sử dụng, theo 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 641625 và CH 641626, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS 08078 và CS 07078, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp vào ngày 13/3/2017.

[3] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất tranh chấp

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa, có căn cứ xác định nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất số 194, tờ bản đồ số 02, loại đất thổ, diện tích đo đạc thực tế là 255m², tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện C như sau:

Tại biên bản về việc đo đạc và kiểm tra hiện trạng sử dụng đất ngày 15/3/2008 của văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C xác định chủ sử dụng đất thực tế thửa 1894 (nay là thửa 194) là ông Trần Văn Đ, diện tích đo đạc thực tế là 282m², thực tế sử dụng đất ổn định, không tranh chấp, có cọc ranh cố định; tại bản tường trình nguồn gốc đất của ông Trần Văn Đ ngày 20/5/2008 được Ủy ban nhân dân xã L xác nhận ngày 13/6/2008 như sau: nguồn gốc thửa đất số 1894, tờ bản đồ số 02, diện tích 282m², loại đất ĐRM hiện do ông Trần Văn Đ là chủ sử dụng đất, có nguồn gốc là của ông Trần Văn T3 khai khẩn và sử dụng từ năm 1969 và cho lại ông Đ vào năm 1976, là đất trồng rau màu từ năm 1969 cho đến nay, hiện sử dụng ổn định không tranh chấp; tại Tờ tường trình về việc công nhận quyền sử dụng đất số 10025/TTr-TN&MT ngày

02/7/2008 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cần Giuộc xác định nguồn gốc thửa đất 1894 do ông Trần Văn T3 khai khẩn và sử dụng từ năm 1969, đến năm 1976 cho lại ông Trần Văn Đ sử dụng ổn định, không tranh chấp cho đến nay; tại biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 15/3/2008 của Ủy ban nhân dân xã L tiến hành khảo sát, xác định ranh giới thửa đất 1894 của ông Trần Văn Đ thì phía Đông và phía Nam giáp với thửa đất số 630 của bà Đồng Thị Minh P và bà P ký giáp ranh và ghi “ranh rõ ràng”. Tại biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 25/01/2019 ông H cũng thừa nhận đúng là chữ ký của bà P.

Bà Đồng Thị Minh P chỉ đăng ký kê khai cấp giấy một thửa 630, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.611m², đất lúa, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/4/1997. Tại biên bản hòa giải ngày 24/10/2018 và biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 25/01/2019 ông H cũng thừa nhận việc cấp giấy không có đo đạc thực tế.

[4] Do đó, ông Trần Văn Đ được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 384224 ngày 15/9/2008, thửa 1894, tờ bản đồ số 02, diện tích 282m², loại đất trồng cây hàng năm khác và được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 280872 ngày 09/02/2015, thửa 194, tờ bản đồ số 2, diện tích 267m², đất trồng cây hàng năm khác.

Ông Đ trình bày về nguồn gốc đất đúng như xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Lo và Tờ tường trình của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 194 và thửa 630 không có tài liệu nào thể hiện đất có nguồn gốc là của ông T2 như bà P do ông H đại diện trình bày.

[5] Khi kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà P cũng không đăng ký kê khai đổi với thửa đất số 194. Thửa đất 194 của ông Đ và thửa đất 630 của bà P có ranh giới rõ ràng. Bà P không có sử dụng thửa đất số 194. Năm 2008, ông Đ làm thủ tục đăng ký kê khai phần đất tranh chấp thuộc thửa 194 và được Nhà nước công nhận. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ, cơ quan chức năng có kiểm tra, xác minh làm rõ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, việc cấp giấy cho ông Đ là đúng trình tự, thủ tục và đối tượng theo quy định của pháp luật về đất đai.

[6] Ngày 07/2/2017 vợ chồng ông Đ bà N chuyển nhượng cho bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn T thửa 194, tờ bản đồ số 02, diện 267m², loại đất ở tại nông thôn. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng C công chứng số 2015, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD. Bà S và ông T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp giấy ngày 13/3/2017 đổi với thửa 194 nói trên.

[7] Bà Đồng Thị Minh P yêu cầu bà Lê Thị S trả lại thửa đất số 194, tờ bản đồ số 02, loại đất thổ, diện tích đo đạc thực tế là 255m² hiện do ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị S cùng đứng tên chủ sử dụng và yêu cầu hủy hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T và bà S là không có cơ sở nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P là có căn cứ. Bà P kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P là không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Tuy nhiên, phần quyết định của bản án sơ thẩm có tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án là không cần thiết vì các đương sự không có thi hành khoản tiền nào phải chịu nghĩa vụ chậm thi hành theo quy định của pháp luật; không tuyên thừa đất số 194 theo mảnh trích đo địa chính số 129 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất H được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 29/5/2018 là thiếu sót nên cần điều chỉnh lại cho đúng.

Về lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá và đo đạc là 6.000.000 đồng, nguyên đơn bà Đồng Thị Minh P phải chịu và đã nộp xong nhưng không ghi trong phần quyết định là thiếu sót nên cũng cần điều chỉnh lại cho đúng.

[9] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của bà P, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Đồng Thị Minh P là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được chấp nhận theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đồng Thị Minh P;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc;

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 158 Bộ luật dân sự 2015, Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đồng Thị Minh P về việc yêu cầu bà Lê Thị S trả lại thửa đất số 194, tờ bản đồ số 02, loại đất thổ, diện tích đo đạc thực tế là 255m², tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An, do ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị S cùng đứng tên chủ sử dụng và yêu cầu hủy hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T và bà S đối với thửa đất trên, cụ thể là giấy chứng nhận số CH 641626 và CH 641625, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS 07078 và CS 08078, do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 13/3/2017.

Theo mảnh trích đo địa chính số 129 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc

nhà đất H được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 29/5/2018.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá và đo đạc: Bà Đồng Thị Minh P phải chịu 6.000.000 đồng (bà P đã nộp xong).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Đồng Thị Minh P được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu

